

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HS-ST

Ngày : 26 -9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Khắc Phi**;

Ông **Đinh Ven**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Nhữ Thật** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Đồng Việt** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Đinh T, sinh năm 1989 tại huyện V, tỉnh B; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh B, sinh năm 1962 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1963; vợ: R, sinh năm 1999 và có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Đinh T:

Ông Phan Văn H – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định.

- Người bị hại: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T.

Người đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T: Ông Phạm Văn T – Phó Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T;

Địa chỉ: Khối P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định;

Là người đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 29/8/2019 của Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T (Có mặt).

- Người làm chứng:

+ NLC1, sinh năm 1977 (có mặt);

+ NLC2, sinh năm 1999 (có mặt);

+ NLC3, sinh năm 1982 (có mặt);

+ NLC4, sinh năm 1983 (vắng mặt);

+ NLC5, sinh năm 1993 (có mặt);

Đồng trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

+ NLC6, sinh năm 1967 (có mặt);

+ NLC7, sinh năm 1968 (có mặt);

Đồng trú: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

+ NLC8, sinh năm 1978 (vắng mặt – có yêu cầu);

Địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 03/2016, Đình T phát hiện khu vực rừng tự nhiên phòng hộ có tục danh “Rẫy Ông Bốn” thuộc tiểu khu HHT, xã B, huyện T (do Ban quản lý rừng phòng hộ T quản lý, sử dụng vào mục đích phòng hộ theo quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 09/03/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định) ở gần bên đám rẫy của mình có khu vực đất rừng dốc thoải, dễ canh tác, có nhiều cây bụi, dây leo và một số cây cày, cây dền, cây nhãn, cây muồng... mọc rải rác nên nảy sinh ý định chặt phá cây rừng để mở rộng diện tích đất rẫy cũ của mình, lấy đất trồng trọt cây hoa màu. T mượn 01 máy cưa có vỏ màu đỏ (không rõ nhãn hiệu) của em họ là anh Đình Văn K (sinh năm 1993, ở cùng địa phương), nói là mượn để cưa cây. Sau đó, vào mỗi buổi sáng (ngày không xác định cụ thể), T điều khiển xe mô tô đi từ nhà ở của mình mang theo một cái rựa, máy cưa, đồ ăn và nước uống đến khu vực rừng tự nhiên thuộc lô C, khoảnh B, tiểu khu HHT, xã B, huyện T để chặt phá các loại cây rừng. T sử dụng rựa chặt phá dây leo, cây bụi, cây nhỏ trước rồi sử dụng máy cưa đốn hạ các loại cây lớn sau, theo hướng từ tây sang đông, làm khoảng 30 ngày (không liên tục, có ngày làm ngày nghỉ) thì mở rộng được diện tích đất rừng là 8.089m². Đến khoảng tháng 5/2016, chưa kịp đốt dọn thì Hạt Kiểm lâm huyện T kiểm tra phát hiện, yêu cầu T chấm dứt hành vi vi phạm, giữ nguyên hiện trạng trên diện tích rừng đã phá trái phép nên T không đốt dọn, trồng cây gì mà để cây rừng tái sinh tự nhiên.

Ngày 27/12/2017 và 26/01/2018, Trung tâm Quy hoạch Nông nghiệp nông thôn tỉnh Bình Định có các thông báo giám định thiệt hại về rừng số 228/TB-TTQH và số 19/TB-TTQH, xác định: Địa điểm rừng bị thiệt hại là tại lô C, khoảnh B, tiểu khu HHT, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định, với tổng diện tích là 8.089m², là rừng gỗ tự nhiên lá rộng thường xanh có trạng thái rừng nghèo thuộc quy hoạch chức năng rừng phòng hộ, tổng trữ lượng rừng bị thiệt hại 13,2m³, hiện trường rừng tại thời điểm giám định toàn bộ cây rừng đã chặt hạ, đốt cháy, chỉ còn gốc chặt, thực bì tái sinh cao khoảng 1,5m.

Ngày 11/10/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tây Sơn kết luận: Giá trị lâm sản, giá trị môi trường của rừng bị thiệt hại tại lô 9, khoảnh 3, tiểu khu 228, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định, với trữ lượng 13,2m³ có giá trị là 10.018.800 đồng.

Vật chứng, Hạt kiểm lâm và Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tây Sơn đã thu giữ:

- 01 (một) cái rựa đã qua sử dụng, dài 55cm, gồm 02 phần liền nhau: lưỡi rựa làm bằng kim loại sắt, dài 23cm, rộng 4,8cm, hình dáng cong; cán rựa làm bằng tre, dài 32cm, đường kính 2,5cm, hình dáng tròn thẳng mà bị cáo T đã sử dụng để chặt phá rừng.

- Riêng 01 máy cưa có vỏ màu đỏ (không rõ nhãn hiệu) mà bị cáo T mượn của anh Đinh Văn K, sau khi thực hiện xong hành vi hủy hoại rừng, T đã trả máy cưa cho anh K. Đến khoảng cuối năm 2016, máy cưa trên bị hỏng, anh K đã bán phế liệu nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tây Sơn không thu giữ được.

Quá trình điều tra, Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Bị cáo T đã bồi thường, khắc phục hậu quả với số tiền 700.000 đồng cho Ban quản lý rừng phòng hộ T.

Tại Bản Cáo trạng số 38/CT-VKS-TS ngày 18/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định đã truy tố Đinh T về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.
- Đại diện người bị hại yêu cầu bị cáo T bồi thường tiếp số tiền còn lại về khoản thiệt hại tài sản trên diện tích rừng mà T đã chặt phá đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm e Khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Đinh T mức án từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T 9.318.800 đồng (Ngoài khoản 700.000đ bị cáo đã bồi thường trước) về khoản thiệt hại về rừng mà bị cáo đã gây ra.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) cái rựa đã qua sử dụng, chiều dài 55cm gồm 02 phần liền nhau lưỡi rựa và cán rựa; lưỡi rựa làm bằng kim loại sắt, chiều dài 23cm, chiều rộng 4,8cm, hình dáng cong; cán rựa làm bằng tre, chiều dài 32cm, đường kính 2,5cm, hình dáng tròn, thẳng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/7/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn và Công an huyện Tây Sơn).

Người bào chữa cho bị cáo Đinh T là ông Phan Văn H trình bày:

Thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo Đinh T phạm tội “*Hủy hoại rừng*”. Sau khi phạm tội: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu; là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa nên nhận thức về mặt pháp lý có phần bị hạn chế, sau khi phạm tội: Bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục một phần hậu quả. Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự.

Với nhiều tình tiết giảm nhẹ nêu trên, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Đinh T được hưởng mức án từ 12 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo, bị hại, người bào chữa không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội cũng như đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt với mức thấp nhất để bị cáo có thời gian và điều kiện khắc phục hậu quả do bị cáo đã gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tây Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] *Về chứng cứ xác định có tội*: Lời khai nhận của bị cáo Đinh T trước tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Biết khu vực rừng tự nhiên có tục danh “*Rẫy Ông Bốn*” tại lô 9, khoảnh 3, tiểu khu 228 thuộc thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định là rừng phòng hộ đã giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T quản lý, bảo vệ nhưng để có đất canh tác, vào khoảng tháng 03/2016, Đinh T đã tự ý dùng rựa và cưa máy chặt phá trái phép cây với tổng diện tích rừng bị thiệt hại là 8.089m², tổng trữ lượng rừng bị thiệt hại 13,2m³ có giá trị là 10.018.800 đồng. Hành vi của Đinh T đã cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*”.

[2] Xét tình tiết định khung và Điều luật áp dụng:

[2.1] Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), quy định về tội “*Hủy hoại rừng*” tại Điều 189: “*1. Người nào đốt, phá rừng trái phép rừng hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.*”

2) ...

3) *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:*

a) ...

b) *Hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng*”.

[2.2] Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 về tội “*Hủy hoại rừng*” tại Điều 243: “*1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a) ...;

...

2) *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:*

a) ...;

...

e) *Rừng phòng hộ có diện tích từ 7.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2);*

...”

[2.3] Đối chiếu nội dung 2 Điều luật trên thì quy định tại khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có lợi hơn đối với bị cáo. Căn cứ quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015, nên áp dụng quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo.

[2.4] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:* Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật. Song, vì muốn lấy đất để làm rẫy nên bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại lớn về môi trường sinh thái, ảnh hưởng

xấu đến công tác quản lý và bảo vệ rừng phòng hộ trên địa bàn huyện T. Bị cáo hủy hoại rừng phòng hộ 8.089m² nên phạm tội với tình tiết định khung được quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 700.000 đồng về thiệt hại rừng cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T để khắc phục một phần hậu quả. Tại phiên tòa, đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; là người dân tộc thiểu số. Để tạo điều kiện bị cáo tự cải tạo, có điều kiện làm ăn sinh sống và xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử bị cáo dưới khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Cần buộc bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T 9.318.800 đồng (Ngoài khoản 700.000đ bị cáo đã bồi thường trước) về khoản thiệt hại về rừng mà bị cáo đã gây ra theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái rựa đã qua sử dụng, chiều dài 55cm gồm 02 phần liền nhau lưỡi rựa và cán rựa; lưỡi rựa làm bằng kim loại sắt, chiều dài 23cm, chiều rộng 4,8cm, hình dáng cong; cán rựa làm bằng tre, chiều dài 32cm, đường kính 2,5cm, hình dáng tròn, thẳng là tang vật vụ án nên tịch thu tiêu hủy theo quy định Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/7/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn và Công an huyện Tây Sơn).

[7] Đối với anh Đinh Văn K đã cho bị cáo T mượn cưa máy nhưng không biết việc bị cáo T sử dụng cưa máy vào mục đích phá rừng nên anh K không đồng phạm với bị cáo T.

[8] Về trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan đến việc Đinh T hủy hoại rừng, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tây Sơn sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ để xem xét xử lý sau theo quy định pháp luật.

[9] **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Đinh T là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và là hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đinh T phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Đinh T 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/9/2019.

Giao bị cáo Đinh T cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Bình Định quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Đinh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Đinh T phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T, tỉnh Bình Định số tiền là 9.318.800 đồng (Chín triệu ba trăm mười tám ngàn tám trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành, nếu bên phải thi hành không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái rựa đã qua sử dụng, chiều dài 55cm gồm 02 phần liền nhau lưỡi rựa và cán rựa; lưỡi rựa làm bằng kim loại sắt, chiều dài 23cm, chiều rộng 4,8cm, hình dáng cong; cán rựa làm bằng tre, chiều dài 32cm, đường kính 2,5cm, hình dáng tròn, thẳng (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/7/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn và Công an huyện Tây Sơn).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Bị cáo Đinh T được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Tây Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Bị cáo; bị hại;
- Đương sự vụ án;
- Bộ phận HSNVCS Công an huyện Tây Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thành Tân